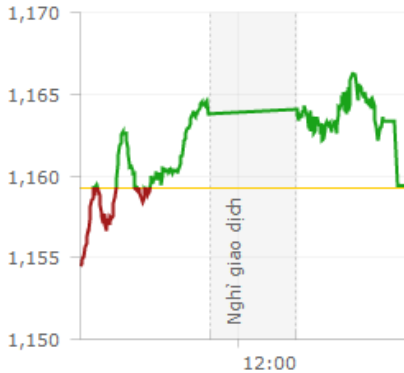


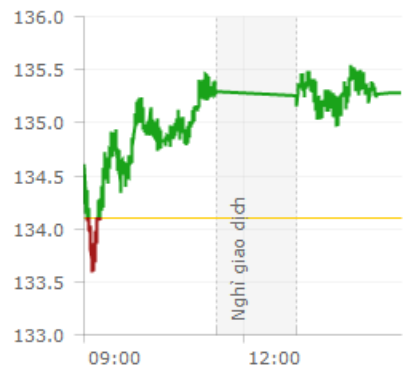
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 22/03/2018

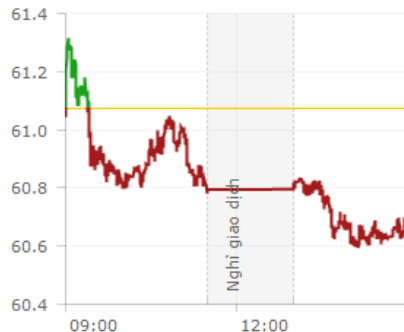
Vn-index: +9.97 điểm (+0,86%)



Hnx-index: -0.32 điểm (-0.24%)



Upcom-index: -0,44điểm (-0,71%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn:	Tăng
Xu thế trung hạn:	Tăng
Xu thế dài hạn:	Tăng

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn:	Tăng
Xu thế trung hạn:	Tăng
Xu thế dài hạn:	Tăng

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 21/03/2018). Áp lực bán tại vùng đỉnh lịch sử năm 2007 làm đà tăng của VN-Index có chững lại, tuy nhiên chỉ số tiến sát mốc 1,170 điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VnIndex tăng 9,97 điểm (0,86%) lên 1.169,36 điểm với khối lượng giao dịch đạt 237,67 triệu CP, trị giá 7.321,79 tỷ đồng; trong khi Hnx-Index lại giảm 0,32 điểm (0,24%) xuống 134,96 điểm với khối lượng giao dịch đạt 69,30 triệu CP, trị giá 1.268,08 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch đạt gần 307 triệu cổ phiếu, trị giá trên 8.859 tỷ đồng, trong đó, giao dịch thỏa thuận đóng góp trên 1.000 tỷ đồng với hơn 35 triệu CP.

Điểm nhấn: Sau 11 năm chờ đợi, lần đầu tiên trong phiên hôm nay TTCK Việt Nam đã quay trở lại mức điểm lịch sử 1,170 điểm nhờ lực tăng đến từ nhóm CP vốn hóa lớn như VIC, GAS, BVH, HPG, BID, MSN, ROS, PNJ. Tuy nhiên, sàn HNX lại có sự điều chỉnh nhẹ sau 9 phiên tăng điểm liên tiếp. Cụ thể VIC tăng 3,65%, lên 108.000 đồng với 3,52 triệu đơn vị được khớp. ROS cũng bất ngờ được kéo lên mức trần 155.800 đồng với 1,7 triệu đơn vị được khớp dù đầu phiên sáng bị chốt lời mạnh, giảm xuống mức sàn 135.600 đồng. BID (+2,35%), BVH (+4,53%) và GAS (+0,95%).

Giá dầu đêm qua tăng mạnh trên 2% cũng đã tác động tích cực đến nhóm CP đầu khí, khiến cho nhóm CP này tăng tốt như PVD tăng 5,2% lên 22.100 đồng. PVS tăng 2,8% lên 25.500 đồng. PVT tăng 2% lên 20.400 đồng. Bên cạnh đó thì nhóm bất động sản, xây dựng cũng thu hút dòng tiền khá tốt với nhiều mã tăng mạnh như CTD, DRH, FCN, DIG, CEO, HLD, KBC, VIC, NLG, ROS, PC1... Ở chiều ngược lại một số mã vốn hóa lớn như VRE, VJC và nhiều mã trong nhóm ngân hàng như ACB, VCB, VPB, LPB, HDB đóng cửa giảm khá, khiến cho chỉ số Vn-index phiên hôm nay không thể vượt đỉnh được.

Khối ngoại: Sau phiên bán ròng hơn 273 tỷ đồng hôm qua, khối ngoại đã quay trở lại mua ròng 226,94 tỷ đồng trong phiên mà VN-Index đã có thời điểm vượt qua ngưỡng đỉnh lịch sử 1.170 điểm mà 11 trước thiết lập. Trên sàn HOSE, khối ngoại quay trở lại mua ròng hơn 1,52 triệu đơn vị, với tổng giá trị mua ròng tương ứng 208,25 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại đã mua ròng 520.718 đơn vị, với tổng giá trị mua ròng tương ứng 22,5 tỷ đồng.

Nhóm ngành: Có 15/20 nhóm ngành đi lên với độ rộng toàn thị trường ở mức khá cân bằng khi có 231 mã tăng và 228 mã giảm, hàm ý lực cầu cổ phiếu trên nhóm vốn hóa lớn giúp chỉ số vững đà tăng.

Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong các mã lớn, ngoài VCB, VRE giảm, VNM, SAB đứng ở tham chiếu còn lại đều tăng. Ngoại trừ VIC, còn có GAS tăng 0,95%, lên 127.200 đồng, BID tăng 2,35%, lên 43.500 đồng, CTG tăng 0,56%, lên 36.200 đồng, MSN tăng 1,89%, lên 102.400 đồng, PLX tăng 1,64%, lên 86.900 đồng.

Nhóm CP đầu khí: Dầu khí trở thành trụ cột chính cho thị trường khi có mức tăng mạnh ở các ông lớn như: GAS, PVD, PVT, PVS, trong đó PVD tăng trưởng tốt nhất nhóm, 5.2%. Bên cạnh đó, GAS liên tục phá đỉnh và đang hình thành đỉnh cao lịch sử với giá đóng cửa 127.200 đồng/CP.

Nhóm CP tài chính: Tài chính – ngân hàng có được sắc xanh, với những điểm sáng như BID, HCM, BVH, CTG. Tuy nhiên, đà tăng chững lại trước áp lực chốt lời lớn khi một số cổ phiếu đã suy yếu và đảo chiều như ACB, VPB, HDB, VCB, SSI.

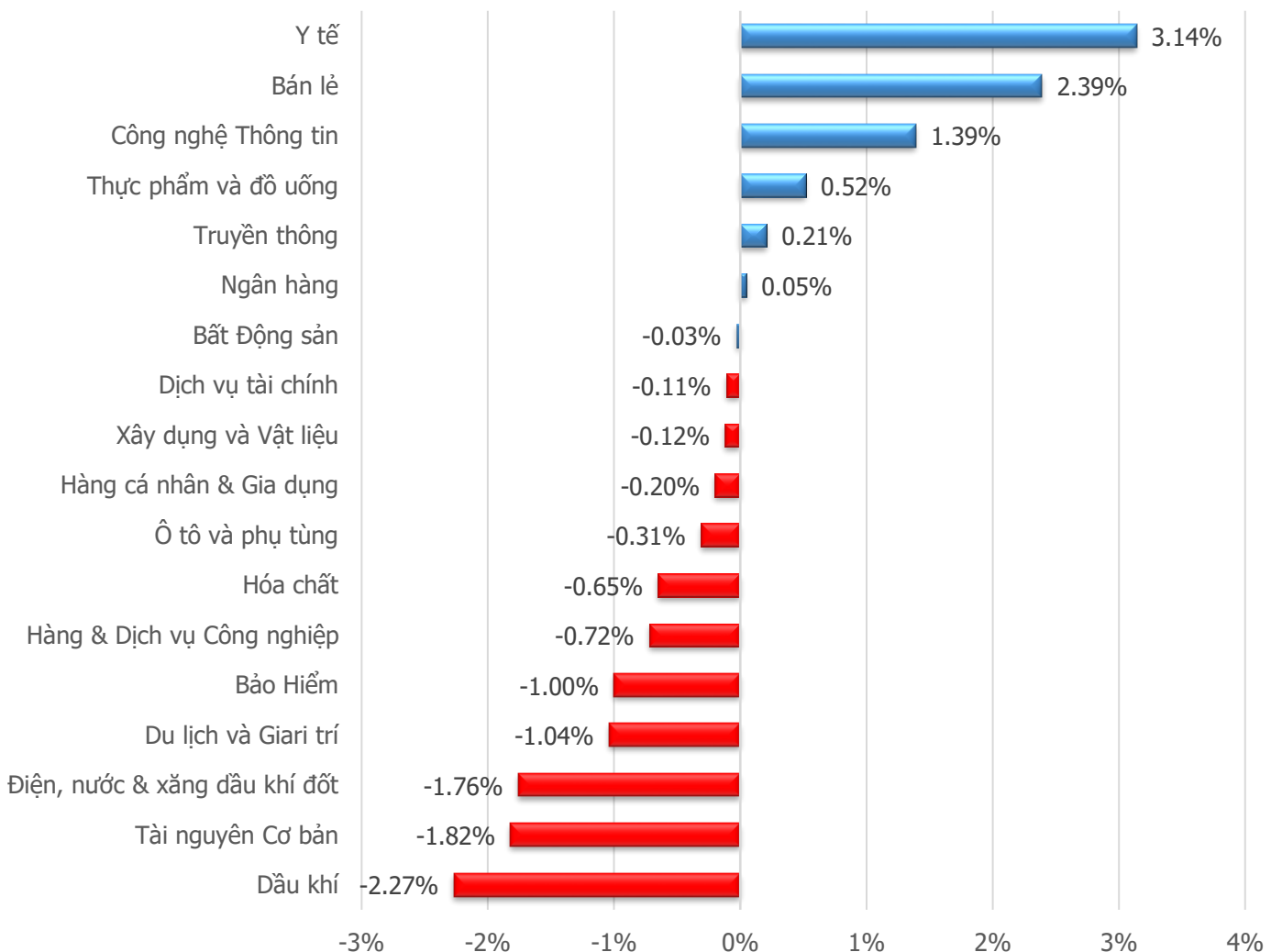
Thị trường thế giới			
DowJones	↓24,682.31	44.96	0.18%
Nikkei 225	21,380.97	00.00	0.00%
Shanghai	↓3,280.95	9.69	0.29%
Nguyên vật liệu và tỷ giá			
Gold	↑1,332.27	21.07	1.60%
Crude oil	↑65.37	1.74	2.73%
Dollar index	↓89.28	0.73	0.81%
USD/CNY	↓6.3224	0.011	0.20%
CNY/VND	↓3,554	2.00	0.10%

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ

Trái ngược với sự đồng thuận tăng điểm trên cả 2 sàn trong phiên hôm qua, phiên hôm nay 2 chỉ số đã đóng cửa trái chiều. Áp lực bán chốt lời khá mạnh khi Hn-index chạm đến ngưỡng kháng cự 136 điểm sau 9 phiên tăng điểm liên tiếp đã khiến cho chỉ số đóng cửa đảo chiều giảm nhẹ, qua đó hình thành một nền doji dự báo cho xu hướng chững lại của đà tăng trong phiên tiếp theo. Trong khi đó chỉ số Vn-index duy trì một đà tăng khá và đã chạm đến mức đỉnh lịch sử 1,170 điểm trong phiên hôm nay, đồng thời cũng tạo nên một thân nến xanh bám vào dải trên của tín hiệu Bollinger Bands, ủng hộ xu hướng tăng điểm trong các phiên tới. Khả năng tăng mạnh mẽ để có cú nhảy đột biến dường như có xác suất thấp. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị không tham gia mua đuổi những mã CP tăng nóng ở giá cao, mà chờ mua ở vùng tích lũy những mã trong danh mục khuyến nghị.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	145700	9500	6.98%	76654
DHG	112100	7300	6.97%	69682
KAC	15550	1011	6.96%	0
VAF	10800	700	6.93%	22
CMG	28600	1850	6.92%	6223

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DXV	4600	300	6.98%	1440
L10	17650	1150	6.97%	6000
SGT	7080	460	6.95%	20710
CIG	2620	170	6.94%	10
HU3	12400	800	6.90%	5630

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	16250	250	1.56%	19142330
SCR	13550	0	0.00%	12975750
OGC	2220	140	6.73%	9322860
FLC	6070	40	0.66%	8427250
HQC	2350	30	1.29%	7689020

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	16000	250	1.56%	19142330
SCR	13550	0	0.00%	12975750
OGC	2080	140	6.73%	9332860
CTG	36000	200	0.56%	8752910
FLC	6030	40	0.66%	8427250

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SDU	11500	1000	9.52%	100
TTT	59900	4900	8.91%	100
SPP	6200	500	8.77%	335900
VC7	18000	1200	7.14%	100
VMC	54000	3100	6.09%	2100

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
V12	11000	1000	10.00%	600
SGC	71300	6400	9.86%	200
VCM	15900	1400	9.66%	3400
SDU	11500	1000	9.52%	100
PXA	1200	100	9.09%	4700

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

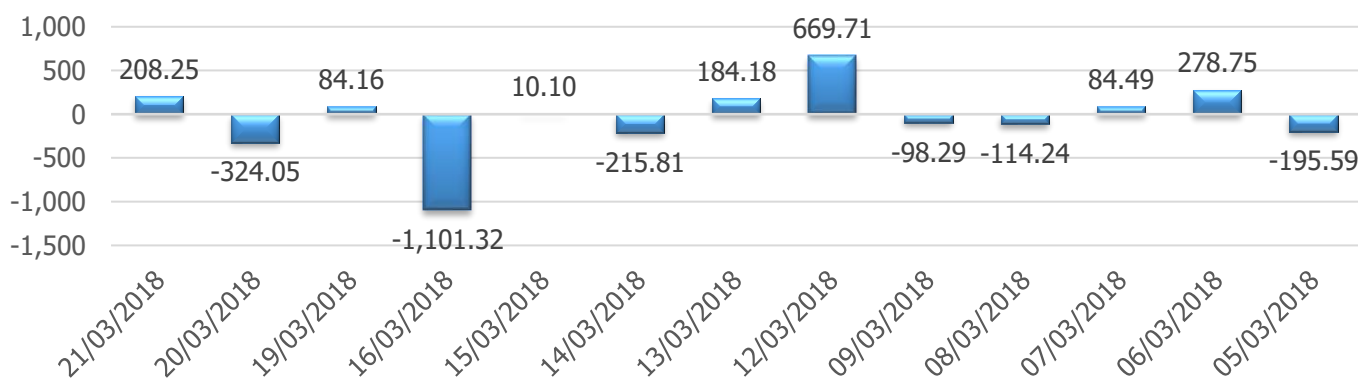
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	25500	700	2.82%	7385819
ACB	47900	-500	-1.03%	6287554
CEO	12200	300	2.52%	4202454
VGC	24800	-400	-1.59%	1236970
NVB	9600	100	1.05%	1137000

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

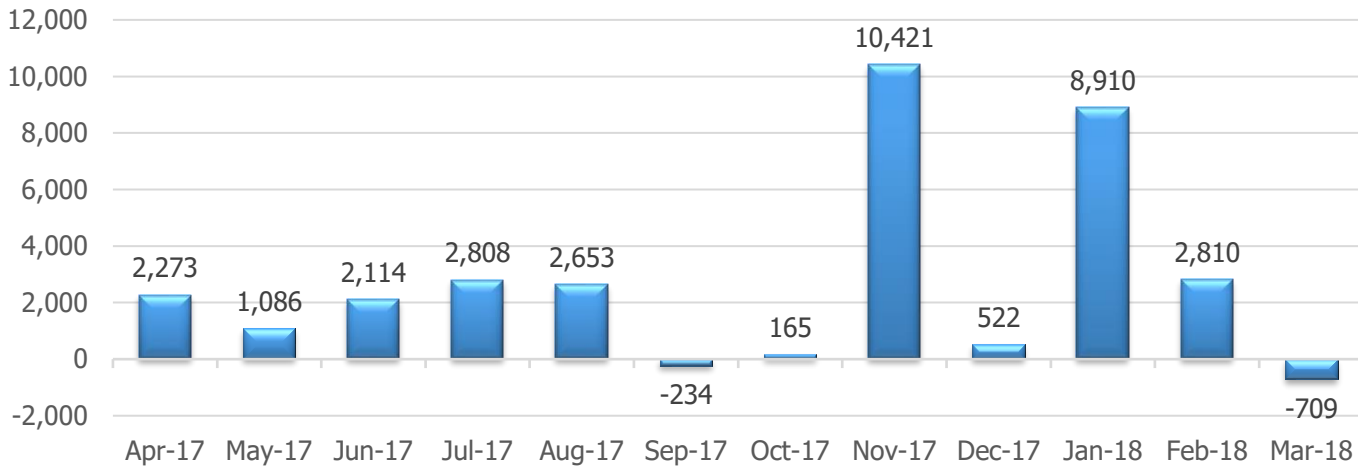
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	13500	100	0.74%	12514459
PVS	24800	700	2.82%	7385819
ACB	48400	-500	-1.03%	6287554
CEO	11900	300	2.52%	4202454
SHS	24500	-100	-0.41%	2017143

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VIC	46.2	DIG	146.73
HPG	31.64	E1FVN	65.19
GAS	16.72	VRE	39.42
SSI	16.28	VJC	36.42
MSN	13.81	VND	36.22

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	7.95	SD9	7.57
SHB	3.53	DBC	2.14
VCG	1.4	VIX	1.9
SHS	0.44	IDV	1.84
VMC	1.26	VGC	0.78

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

VinaCapital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	HPG	13.40%	93,288	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.55	2.89	5,280,960	60.0%	135.44%
2	VNM	10.90%	303,314	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.46	12.98	2,282,229	50.0%	61.52%
3	ACV	9.00%	197,335	12,580	1,921	8.7%	16.2%	47.18	7.21	182,293	4.6%	78.15%
4	KDH	6.30%	3,146	13,155	2,718	12.3%	21.8%	20.67	4.27	94,633	25.0%	0.00%
5	PNJ	6.10%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
6	VJC	4.70%	70	12,114	1,457	2.8%	17.3%	6.52	0.78	2,053	45.0%	-4.04%
7	QNS	3.20%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
8	EIB	3.10%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
9	CTD	3.00%	12,996	94,830	21,417	11.9%	24.4%	7.75	1.75	205,002	40.0%	-16.47%
10	PVS	2.60%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
	Tổng	62.80%										

DaragonCapital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	ACB	7.20%	52,489	15,604	1,953	0.8%	14.1%	24.78	3.10	4,161,516	80.0%	122.76%

2	MWG	7.20%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
3	MBB	7.07%	335	15,198	10,398	28.2%	62.1%	7.55	5.17	11,977	60.0%	-18.80%
4	VNM	6.27%	303,314	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.46	12.98	2,282,229	50.0%	61.52%
5	KDH	5.13%	3,146	13,155	2,718	12.3%	21.8%	20.67	4.27	94,633	25.0%	0.00%
6	HPG	4.04%	93,288	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.55	2.89	5,280,960	60.0%	135.44%
7	FPT	4.00%	295	6,271	-2,161	-6.2%	-30.1%	-4.63	1.59	209	1.9%	-2.91%
8	GAS	3.94%	22	7,872	-3,260	-11.7%	-34.1%	-0.46	0.19	11,418	45.0%	0.00%
9	ACV	3.59%	197,335	12,580	1,921	8.7%	16.2%	47.18	7.21	182,293	4.6%	78.15%
10	VJC	3.37%	70	12,114	1,457	2.8%	17.3%	6.52	0.78	2,053	45.0%	-4.04%
	Tổng	51.81%										

DaragonCapital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	VPB	14.23%	350	4,560	77	0.3%	1.7%	32.60	0.55	643,726	35.0%	125.23%
2	MWG	13.30%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
3	PNJ	8.57%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
4	FPT	4.88%	295	6,271	-2,161	-6.2%	-30.1%	-4.63	1.59	209	1.9%	-2.91%
5	MBB	4.79%	335	15,198	10,398	28.2%	62.1%	7.55	5.17	11,977	60.0%	-18.80%
6	DHG	4.63%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
7	CTD	4.60%	12,996	94,830	21,417	11.9%	24.4%	7.75	1.75	205,002	40.0%	-16.47%
8	CII	4.18%	7,941	17,620	6,234	9.8%	25.5%	5.17	1.83	1,485,694	75.0%	-14.23%
9	CTI	3.52%	2,205	18,665	2,738	3.7%	13.0%	12.78	1.88	458,178	55.0%	28.45%
10	VCI	3.41%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	986	40.0%	-2.04%
	Tổng		62.80%									

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	VIC	9.41%	444	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.53	1.16	29,111	59.2%	0.00%
2	NVL	7.34%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
3	VNM	7.23%	303,314	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.46	12.98	2,282,229	50.0%	61.52%
4	CTG	7.11%	134,043	17,025	1,996	0.7%	12.0%	18.04	2.11	4,999,554	10.0%	104.07%
5	MSN	7.00%	105,271	12,819	2,748	4.5%	15.3%	36.57	7.84	1,967,159	40.0%	118.95%
6	ROS	5.46%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
7	HPG	5.30%	93,288	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.55	2.89	5,280,960	60.0%	135.44%
8	Mani	5.24%	112	12,348	1,107	6.8%	9.0%	7.04	0.63	17,327	90.0%	-6.60%
9	SSI	5.17%	20,519	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.30	2.40	5,051,659	65.0%	85.74%
10	Eclat	4.57%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
11	BVH	3.78%	58,589	20,236	2,291	1.9%	11.1%	37.58	4.25	498,744	10.0%	43.59%
12	Synopex	3.76%	836	17,401	7,514	39.9%	46.1%	1.66	0.72	268,207	20.0%	-7.16%
13	SOCO	3.29%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
14	RMIL	3.24%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
15	Hansae	3.04%	10	11,847	408	0.0%	0.0%	23.78	0.82	67	50.0%	-23.62%
16	VCG	2.73%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	986	40.0%	-2.04%
17	STB	2.52%	28,858	12,321	650	0.3%	5.2%	24.61	1.30	10,851,115	90.0%	51.66%
18	SBT	2.44%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
19	TCH	2.28%	166	11,537	1,123	2.2%	10.2%	4.54	0.44	28,353	50.0%	6.25%
20	MCNEX	1.65%	182	10,427	32	0.1%	0.3%	109.15	0.34	92,449	70.0%	56.95%
21	KDC	1.60%	8,021	25,013	1,864	3.8%	5.5%	20.92	1.56	486,040	60.0%	4.43%
22	DPM	1.52%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
23	NT2	1.46%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
24	HAG	1.41%	10	11,847	408	0.0%	0.0%	23.78	0.82	67	50.0%	-23.62%

25	HSG	1.20%	8,189	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.67	1.50	3,376,427	60.0%	-13.42%
26	DCMI	0.22%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
27	U.S.Dollar	0.0004	371	15,234	2,327	9.0%	15.8%	5.20	0.79	11,382	20.0%	29.84%
Tổng			100%									

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	VNM	5.65%	303,314	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.46	12.98	2,282,229	50.0%	61.52%
2	VIC	2.76%	444	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.53	1.16	29,111	59.2%	0.00%
3	MSN	1.81%	105,271	12,819	2,748	4.5%	15.3%	36.57	7.84	1,967,159	40.0%	118.95%
4	HPG	1.43%	93,288	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.55	2.89	5,280,960	60.0%	135.44%
5	ROS	0.63%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
6	NVL	0.58%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
7	VRE	0.48%	1,863	17,046	3,398	15.3%	21.0%	10.96	2.19	588,269	15.0%	-5.61%
8	SSI	0.45%	20,519	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.30	2.40	5,051,659	65.0%	85.74%
9	STB	0.32%	28,858	12,321	650	0.3%	5.2%	24.61	1.30	10,851,115	90.0%	51.66%
10	SAB	0.28%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
11	PVS	0.20%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
12	SBT	0.19%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
13	HSG	0.15%	8,189	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.67	1.50	3,376,427	60.0%	-13.42%
14	TCH	0.14%	166	11,537	1,123	2.2%	10.2%	4.54	0.44	28,353	50.0%	6.25%
15	DPM	0.13%	23	10,906	192	0.0%	0.0%	54.60	0.96	0	40.0%	0.00%
16	KBC	0.10%	6,271	17,423	1,244	3.8%	6.6%	10.73	0.77	3,529,244	75.0%	-7.93%
Tổng			15.3%									

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Freeloat	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	%	%
1	HPG	15.60%	93,288	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.55	2.89	5,280,960	60.0%	135.44%
2	VIC	15.41%	444	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.53	1.16	29,111	59.2%	0.00%
3	MSN	15.32%	105,271	12,819	2,748	4.5%	15.3%	36.57	7.84	1,967,159	40.0%	118.95%
4	VNM	12.55%	303,314	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.46	12.98	2,282,229	50.0%	61.52%
5	VCB	6.80%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	986	40.0%	-2.04%
6	NVL	5.84%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
7	ROS	5.14%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
8	PVS	5.10%	585	12,094	1,647	8.4%	14.4%	7.90	1.07	5,479	15.0%	21.32%
9	SSI	4.08%	20,519	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.30	2.40	5,051,659	65.0%	85.74%
10	STB	2.88%	28,858	12,321	650	0.3%	5.2%	24.61	1.30	10,851,115	90.0%	51.66%
Tổng			88.72%									

Điểm tin nổi bật:

■ Đúng như thị trường đã dự báo, Fed nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 1,5-1,7% với sự đồng thuận của tất cả các thành viên ban lãnh đạo. Đây là lần nâng lãi suất đầu tiên dưới sự điều hành của tân Chủ tịch Jerome Powell và là lần thứ sáu kể từ tháng 12/2015. Fed dự kiến tăng lãi suất 8 lần, mỗi lần 0,25 điểm phần trăm, từ nay đến cuối năm 2020, bao gồm 3 lần năm 2018, 3 lần năm 2019 và 2 lần năm 2020. Như vậy, lãi suất đến cuối năm 2020 sẽ ở mức gần 3,4%, cao hơn mức 3,1% đưa ra tháng 12 năm ngoái. Các nhà kinh tế cho rằng sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế Mỹ trong quý I/2018 khiến Fed trở nên thận trọng hơn. Tuy vậy, nếu các điều kiện kinh tế cải thiện, cơ quan này hoàn toàn có thể phát đi tín hiệu tăng lãi suất 4 lần trong năm nay tại cuộc họp vào tháng 6 tới.

■ Ngày 20/3, Trung tâm thông tin dự báo kinh tế quốc gia (Bộ KH&ĐT) cho biết, sau khi chính sách giảm thuế của Mỹ (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 35% xuống 21%) có hiệu lực vào đầu 2018 khiến dòng vốn FDI trên thế giới dịch chuyển và vốn FDI vào Việt Nam cũng giảm sút. Tác động của việc dịch chuyển dòng vốn FDI trên thế giới tác động tới Việt Nam thông qua số vốn FDI đăng ký trong 2 tháng đầu

năm 2018 giảm mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, vốn FDI tháng 1/2018 chỉ đạt 1,26 tỷ USD, giảm 24% so với cùng kỳ 2017.

■ Ngày 21/3, giới chức Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) cho biết hai bên đang bắt đầu một vòng đàm phán mới, nhằm hướng đến một giải pháp "cả hai bên cùng chấp nhận được" liên quan đến các tranh chấp thương mại, trong đó có vấn đề đánh thuế mặt hàng nhôm và thép nhập khẩu. Tuyên bố trên được đưa ra sau cuộc gặp giữa Bộ trưởng Thương mại Mỹ Wilbur Ross và Ủy viên Thương mại EU Cecilia Malmstrom, trong bối cảnh quyết định áp thuế mới của Mỹ đối với các mặt hàng thép, nhôm nhập khẩu sẽ có hiệu lực vào cuối tuần này. Trong khi đó, dự kiến trong tuần này, Tổng thống Mỹ Donald Trump sẽ công bố một số biện pháp trả đũa thương mại đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, nhằm trừng phạt Bắc Kinh vì đã "đánh cắp" quyền sở hữu trí tuệ của các công ty Mỹ./.

Danh Mục Khuyến Nghị Mua

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	BMP	77.5	85.9	70.6	77.6	76.7					Chờ khớp
	BVH	89.1	98.8	81.1	90.0	88.2					Chờ khớp
	CTD	169.7	188.2	154.6	171.8	168.0					Chờ khớp
	DRH	19.5	21.6	17.8	19.7	19.3					Chờ khớp
	OGC	2.2	2.4	2.0	2.22	2.18					Chờ khớp
	PVD	21.9	24.3	20.0	22.2	21.7					Chờ khớp
	THG	40.6	45.0	37.0	40.9	40.2					Chờ khớp
	VIC	107.1	118.7	97.5	108.0	106.0					Chờ khớp
	HD2	14.4	16.0	13.2	14.8	14.3					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nắm Giữ	HMC	15.7	17.4	14.3	15.8	15.5		21/03/2018		1.9%	Nắm giữ
	DHG	108.1	119.8	98.4	113.0	107.0		21/03/2018		5.6%	Nắm giữ
	TA9	15.0	16.7	13.7	15.0	14.9		21/03/2018		0.7%	Nắm giữ
	LPB	16.4	18.1	14.9	16.1	16.2		21/03/2018		-0.6%	Nắm giữ
	CVT	48.5	53.8	44.2	48.0	48.0		16/03/2018		0.0%	Nắm giữ
	LDG	25.7	28.4	23.4	25.5	25.4		20/03/2018		0.4%	Nắm giữ
	SHB	13.7	15.2	12.5	13.6	13.6		19/03/2018		0.0%	Nắm giữ
	LTG	42.1	46.7	38.4	41.5	41.7		16/03/2018		-0.5%	Nắm giữ
	PVT	20.0	22.2	18.2	20.4	19.8		16/03/2018		3.0%	Nắm giữ
	DPM	23.2	25.8	21.2	22.8	23.0		15/03/2018		-0.9%	Nắm giữ
	CMG	25.0	27.8	22.8	28.9	24.8		14/03/2018		16.5%	Nắm giữ
	FTS	15.5	17.1	14.1	16.0	15.3		13/03/2018		4.6%	Nắm giữ
	TLH	12.1	13.4	11.0	11.7	12.0		13/03/2018		-2.9%	Nắm giữ
	CSM	15.2	16.8	13.8	14.7	15.0		12/3/2018		-2.0%	Nắm giữ
	SCR	12.4	13.8	11.3	13.6	12.3		5/3/2018		10.2%	Nắm giữ
	TDH	14.8	16.5	13.5	15.7	14.7		5/3/2018		6.8%	Nắm giữ
	VCS	227.5	252.2	207.2	238.50	225.20		2/3/2018		5.9%	Nắm giữ
	DGW	23.1	25.6	21.1	24.7	22.9		26/02/2018		7.9%	Cần bán
VNM	202.0	224.0	184.0	209.0	200.0		22/02/2018		4.5%	Nắm giữ	
CEO	10.8	12.0	9.8	12.2	10.7		21/02/2018		14.0%	Nắm giữ	

	CCL	4.0	4.4	3.6	4.6	4.0		12/2/2018		15.9%	Nắm giữ
	QNS	51.1	56.7	46.6	58.90	50.60		5/2/2018		16.4%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	ANV	11.0	12.2	10.0	21.00	10.90	21.1	28/12/2017	14/03/2018	93.6%	Đã bán
	HDG	36.8	40.8	33.5	49.80	36.40	50.0	10/1/2018	12/3/2018	37.4%	Đã bán
	TV2	185.8	206.1	169.3	240.5	184.0	241.2	22/02/2018	12/3/2018	31.1%	Đã bán
	PVI	33.7	37.4	30.7	41.50	33.40	41.5	17/01/2018	7/3/2018	24.3%	Đã bán
	TDG	11.1	12.3	10.1	12.56	11.00	12.6	26/01/2018	6/3/2018	14.5%	Đã bán
	FMC	27.2	30.1	24.7	29.8	26.9	30.4	26/02/2018	8/3/2018	13.0%	Đã bán
	TNA	36.3	40.2	33.0	37.5	35.9	37.5	9/2/2018	6/3/2018	8.9%	Đã bán
	SHB	12.2	13.6	11.1	12.6	12.1	12.7	8/2/2018	6/3/2018	5.0%	Đã bán
	HPG	64.3	71.3	58.6	66.7	63.7	66.3	27/02/2018	2/3/2018	4.1%	Đã bán
	NCT	98.0	108.6	89.2	100.0	97.0	99.5	9/2/2018	12/3/2018	2.6%	Đã bán
	APG	5.9	6.5	5.3	6.02	5.80	6.0	26/01/2018	12/3/2018	4.0%	Đã bán
	NVB	7.7	8.5	7.0	8.10	7.60	8.3	18/01/2018	12/3/2018	9.2%	Đã bán

Liên hệ trung tâm nghiên cứu VNCS:

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0946 976 245 Email: khanglec@vn-cs.com, khangleuchi@gmail.com,

Đỗ Thị Hương

Trợ lý phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0983 126 496 Email: huongdt@vn-cs.com.

Email: vncs.research@vn-cs.com

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Webiste: www.vn-cs.com